

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI
KHOA NGOẠI NGỮ
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 4

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành/Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: TIẾNG ANH 4 (ENGLISH 4)
- Mã học phần: DCB.04.09
- Số tín chỉ: 4 (60 tiết)
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 180 tiết
 - + Lý thuyết: 35 tiết
 - + Bài tập: 22 tiết
 - + Kiểm tra: 03 tiết
 - + Tự học có hướng dẫn: 90 tiết
- Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngành
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
 - (1) Họ và tên: ThS. Phạm Hồng Phượng
Chức danh: Giảng viên
Thông tin liên hệ: ĐT: 0902075299;
Email: phuongphamhong84@gmail.com
 - (2) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai
Chức danh: Giảng viên.
Thông tin liên hệ: ĐT: 0342445354;
Email: hongmai1910@gmail.com
 - (3) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Mai
Chức danh: Giảng viên
Thông tin liên hệ: ĐT: 0904371939;
Email: nguyenmai08@gmail.com

2. Các học phần tiên quyết: Tiếng Anh 3

3. Mục tiêu của học phần:

3.1 Mục tiêu chung:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức Tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành Tài chính; đồng thời giúp sinh viên học hỏi thêm nhiều kinh nghiệm thực tiễn qua các phần chia sẻ, phỏng vấn từ những người làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau của ngành Tài chính.

3.2 Mục tiêu cụ thể

a) Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức Tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành Tài chính gồm:

(1) Từ vựng và thuật ngữ chuyên môn đa dạng ở nhiều lĩnh vực: tài chính, kế toán, ngân hàng, bảo hiểm...

(2) Hiểu biết cơ bản về các kỹ năng cần thiết khi làm trong ngành Tài chính như kỹ năng tạo ấn tượng tốt khi đi phỏng vấn, kỹ năng thuyết trình và đàm phán, quy tắc ứng xử trong cuộc họp...

(3) Các mẫu câu cơ bản sử dụng khi đi phỏng vấn xin việc, khi thuyết trình hay trả lời khiếu nại từ khách hàng...

b) Về kỹ năng:

(1) Củng cố kỹ năng nghe hiểu ý chính, nghe để lấy thông tin cụ thể nhằm hoàn thành các dạng bài Đúng – Sai; Điền vào chỗ trống; Trả lời câu hỏi ngắn...

(2) Củng cố kỹ năng đọc hiểu: đọc lướt, đọc quét, đọc lấy ý chính, đọc tìm thông tin cụ thể.

(3) Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, đưa ra quan điểm cá nhân.

(4) Củng cố kỹ năng viết trong một số tình huống thực tiễn như trả lời khiếu nại từ khách hàng, gửi thông tin qua email cho đồng nghiệp, viết báo cáo đơn giản...

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng Tiếng Anh chuyên ngành cho công việc trong thời kỳ hội nhập quốc tế; từ đó chủ động trau dồi thêm kiến thức và tăng cường sử dụng Tiếng Anh nhiều hơn ngoài giờ học chính khóa.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Về kiến thức:

CLO 1.1: Vận dụng được kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh về các chủ đề liên quan đến ngành Tài chính, nhằm tác nghiệp trong lĩnh chuyên môn.

4.2. Về kỹ năng:

CLO 2.1: Có khả năng nghe hiểu – đọc hiểu thông tin cơ bản từ các nguồn tin về ngành Tài chính bằng tiếng Anh.

CLO 2.2: Có khả năng trao đổi và viết về các vấn đề cơ bản liên quan đến công việc chuyên môn bằng tiếng Anh.

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CLO 3.1: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có khả năng tự học tiếng Anh chuyên ngành ngoài giờ lên lớp.

Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần.

5. Ma trận mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của CTĐT (PLO/Pis)

Ghi chú:

- PLO = Program Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	PLO06
CLO 1.1	M
CLO 2.1	M
CLO 2.2	M
CLO 3.1	M
Tổng hợp toàn bộ HP	M

Ghi chú:

Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

L (Low) – Đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – Đóng góp vừa vào PLO

H (High) - Đóng góp nhiều vào PLO

(Xem chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo – PLO, trong Phụ lục kèm theo)

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;

- Bài tập, thảo luận:

+ Đọc tài liệu và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;

- Làm bài kiểm tra định kỳ;

- Tham gia thi kết thúc học phần.

7. Tài liệu học tập:

7.1. Giáo trình chính:

- *Finance 1* (Unit 1 – 6); Richard Clark & David Baker; Oxford University Press, 2011

- Tài liệu tự học học phần Tiếng Anh 4 (English 4 Self-study); Khoa Ngoại ngữ biên soạn, 2019.

7.2. Sách tham khảo:

- *Test your business vocabulary in use Intermediate*; Tricia Aspinall & George Bethell; Cambridge, 2003

- *Target TOEIC* (Second edition); Anne Taylor; Compass Publishing, 2006

8. Nội dung học phần

8.1 Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 là khối lượng kiến thức của 06 bài đầu (Unit 1 – Unit 6) trong giáo trình *Finance 1* do tác giả Richard Clark và David Baker biên soạn. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp khối lượng lớn từ vựng và thật ngữ chuyên ngành, đồng thời cung cấp hiểu biết thực tiễn về các lĩnh vực liên quan đến ngành Tài chính. Mỗi unit tập trung vào một chủ đề, được thể hiện qua các phần Từ vựng, Ngữ pháp, Phát âm, các phần kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết. Ngoài ra, mỗi unit còn trình bày về một kỹ năng cần thiết khi làm trong ngành Tài chính như kỹ năng tạo ấn tượng tốt khi đi phỏng vấn, kỹ năng thuyết trình

và đàm phán, quy tắc ứng xử trong cuộc họp, trả lời khiếu nại từ khách hàng...

8.2 Ma trận phù hợp giữa các Chương của học phần với CDR học phần (CLO)

STT	Bài	CLO 1.1	CLO 2.1	CLO 2.2	CLO 3.1
1	Bài 1: Choosing jobs	P	P	P	P
2	Bài 2: Personal finance	P	P	P	P
3	Bài 3: Company financial services	P	P	P	P
4	Bài 4: Economic indicators	P	P	P	P
5	Bài 5: Economic cycles	P	P	P	P
6	Bài 6: Economic sectors	P	P	P	P

- ❖ **Ghi chú:** **I:** Introduction/ Giới thiệu
P: Proficient/ Thuần thục, đủ
A: Advanced/ Nâng cao

9. Kế hoạch giảng dạy:

	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Tự học	CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
Buổi 1	Bài 1: Choosing jobs (Từ trang 4 đến trang 6)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 2	Bài 1: Choosing jobs (Từ trang 7 đến trang 9)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 3	Bài 1: Choosing jobs (Từ trang 10 đến trang 11)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 4	Bài 2: Personal finance (Từ trang 12 đến trang 14)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 5	Bài 2: Personal finance (Từ trang 15 đến trang	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT

	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Tự học	CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
	17)				Workbook và tài liệu tự học
Buổi 6	Bài 2: Personal finance (Từ trang 18 đến trang 19) Ôn tập và kiểm tra định kì lần 1	1 lý thuyết 1 bài tập 1 kiểm tra	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 7	Bài 3: Personal finance (Từ trang 20 đến trang 22)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 8	Bài 3: Personal finance (Từ trang 23 đến trang 25)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 9	Bài 3: Personal finance (Từ trang 26 đến trang 27)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 10	Bài 4: Economic indicators (Từ trang 28 đến trang 30)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 11	Bài 4: Economic indicators (Từ trang 31 đến trang 33)	2 lý thuyết 1 bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 12	Bài 4: Economic indicators (Từ trang 34 đến trang 35) Ôn tập và kiểm tra định kì lần 2	1 lý thuyết 1 bài tập 1 kiểm tra	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 13	Bài 5: Economic cycles (Từ trang 36 đến trang 38)	2 lý thuyết 1 bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi	Bài 5: Economic	2 lý thuyết	4	CLO1.1	- SV đọc trước

	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Tự học	CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
14	cycles (Từ trang 39 đến trang 41)	1 bài tập		CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 15	Bài 5: Economic cycles (Từ trang 42 đến trang 43)	2 lý thuyết 1 bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 16	Bài 6: Economic sectors (Từ trang 44 đến trang 45)	2 lý thuyết 1 bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 17	Bài 6: Economic sectors (Từ trang 46 đến trang 47)	2 lý thuyết 1 bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 18	Bài 6: Economic sectors (Từ trang 48 đến trang 49) Ôn tập và kiểm tra định kì lần 3	1 lý thuyết 1 bài tập 1 kiểm tra	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 19	Bài 6: Economic sectors (Từ trang 50 đến trang 51)	2 lý thuyết 1 bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 20	Ôn tập thi hết học phần	3 bài tập	4	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	SV ôn tập, GV chữa bài

10. Phương pháp dạy học

10.1 Các phương pháp dạy học được sử dụng

STT	Phương pháp dạy học	Lựa chọn
1	Phương pháp chung là thuyết trình kết hợp linh hoạt với các phương pháp dạy học tích cực.	x
2	Phương pháp dạy học giao tiếp	x
3	Phương pháp dạy học theo cặp, theo nhóm: Đóng vai; thảo luận, làm bài tập, bài tập lớn theo nhóm;	x
4	Phương pháp dạy học theo dự án mô phỏng thực tế	

5	Phương pháp dạy học theo nhiệm vụ	x
6	Phương pháp dạy học trải nghiệm: Thăm quan thực tế, kiến tập, thực tập doanh nghiệp	
7	Hướng dẫn tự học	x

10.2 Ma trận phù hợp giữa phương pháp dạy học với CLO

STT	Phương pháp dạy học	CLO 1.1	CLO 2.1	CLO 2.2	CLO 3.1
1	Thuyết trình	x			
2	Dạy học giao tiếp		x	x	x
3	Dạy học theo cặp, nhóm		x	x	x
4	Dạy học theo nhiệm vụ	x	x	x	x
5	Hướng dẫn tự học		x	x	x

11. Đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức đánh giá

11.1.1 Các phương pháp đánh giá

- Đánh giá chuyên cần (Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập)
- Đánh giá kiến thức, kỹ năng: Sinh viên hoàn thành bài thi trên giấy dạng trắc nghiệm và tự luận.

11.1.2 Các hình thức đánh giá

- Đánh giá thường xuyên (chuyên cần, thảo luận, báo cáo bài tập lớn)
- Đánh giá định kỳ (03 bài kiểm tra 45 phút dạng trắc nghiệm và tự luận)

STT	Dạng bài	Số câu hỏi	Điểm
1	Nghe: Trắc nghiệm chọn đáp án A, B, C, D và/hoặc điền thông tin vào bảng ghi chú, tóm tắt, v.v.	10	2
2	Từ vựng chuyên ngành: Trắc nghiệm chọn đáp án A, B, C, D hoặc chọn từ các từ cho sẵn điền vào chỗ trống	10	2
3	Đọc hiểu: Trắc nghiệm chọn đáp án A, B, C, D và/hoặc lựa chọn câu đúng/sai	10	3
4	Viết thư hồi đáp khiếu nại từ khách hàng hoặc viết câu hỏi đáp cho các tình huống cho sẵn.	1 thư hoặc 5 câu	3

Phần 1: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 2: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 3: Mỗi câu đúng 0,3 điểm; tổng: 3 điểm

Phần 4: Viết thư hoặc viết câu (mỗi câu đúng 0,5 điểm): 3 điểm

c) Đánh giá tổng kết: Thi kết thúc học phần theo bài thi giấy dạng tự luận thời gian 60 phút.

STT	Dạng bài	Số câu hỏi	Điểm
1	Chọn trong số 10 từ chuyên ngành cho sẵn để hoàn thành đoạn văn	10	2
2	Đọc hiểu và lựa chọn câu Đúng hoặc Sai	5	2
3	Nối từ chuyên ngành với định nghĩa tương ứng	10	2
4	Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc có trong đoạn văn.	10	2
5	Viết hồi đáp cho các tình huống cụ thể	10	2

Phần 1: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 2: Mỗi câu đúng 0,4 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 3: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 4: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 5: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

11.2 Đánh giá mức độ đạt CDR của học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 3.1	100%
01 bài kiểm tra 45 phút định kì lần 1	30	Trắc nghiệm và tự luận	Rubric	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2	40% 40% 20%
01 bài kiểm tra 45 phút định kì lần 2		Trắc nghiệm và tự luận	Rubric	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2	40% 40% 20%
01 bài kiểm tra 45 phút định kì lần 3		Trắc nghiệm và tự luận	Rubric	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2	40% 40% 20%
Bài thi 60 phút kết thúc học phần	60	Tự luận	Rubric	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	40% 40% 20%

11.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

11.3.1 Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
<ul style="list-style-type: none">Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi.Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic.Mắc 1-2 lỗi về thuật ngữ chuyên môn.Còn vài lỗi chính tả.	Mức A (Vượt quá mong đợi)	85 - 100
<ul style="list-style-type: none">Trả lời đúng 70-80% câu hỏi.Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic.Mắc ít lỗi (3-5) lỗi về thuật ngữ chuyên môn.Có khá nhiều lỗi chính tả.	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	70 - 84
<ul style="list-style-type: none">Trả lời đúng 50-60% câu hỏi.Trình bày không rõ ý, chưa logic.Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 5 lỗi).Nhiều lỗi chính tả.	Mức C (Đạt)	55 - 69
<ul style="list-style-type: none">Trả lời đúng 40-50% câu hỏi.Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%.Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý.Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn.Nhiều lỗi chính tả.	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	40 - 54
<ul style="list-style-type: none">Các trường hợp còn lại	Mức F (Không đạt)	Dưới 40

11.3.2 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
<ul style="list-style-type: none">Tham gia học tập trên lớp đạt trên 95% số tiết họcTích cực tham gia thảo luận trên lớpÝ thức, thái độ học tập tốt	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
<ul style="list-style-type: none">Tham gia học tập trên lớp đạt từ 90-95% số tiết họcCó tham gia thảo luận trên lớpÝ thức, thái độ học tập tốt	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
<ul style="list-style-type: none">Tham gia học tập trên lớp đạt từ 85-90% số tiết học	Mức C (Đạt, song cần)	5,5 - 6,9

– Ít tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập chưa cao	cải thiện)	
– Tham gia học tập trên lớp đạt từ 80-85% số tiết học – Không tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập không nghiêm túc	Mức D (Chưa đạt)	4,0 - 5,4

12. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Giảng đường: Tên giảng đường được bố trí sắp xếp ngay khi có lịch báo giảng
- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): máy tính, máy chiếu, máy trợ giảng.

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2019

P.Trưởng Khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn đề cương





ThS . Nguyễn Thị Định

ThS . Nguyễn Thị Định

ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai